

SỔ GỐC CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP CAO ĐẲNG

**Khóa học:** 2017 liên thông cao đẳng  
**Hình thức đào tạo:** Chính quy  
**Quyết định công nhận tốt nghiệp số:** 134/QĐ-LTT-ĐT ngày 29 tháng 01 năm 2019

| Số TT | Họ và tên người học |       | Ngày tháng năm sinh | Quê quán       | Giới tính | Dân tộc | Quốc tịch | Ngành/nghề đào tạo        | Năm tốt nghiệp | Xếp loại Tốt nghiệp | Số hiệu bằng TN | Số vào sổ gốc cấp bằng TN | Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên | Ghi chú |
|-------|---------------------|-------|---------------------|----------------|-----------|---------|-----------|---------------------------|----------------|---------------------|-----------------|---------------------------|----------------------------------------|---------|
| 1     | Lê Minh             | Bình  | 12/4/1996           | Kiên Giang     | Nam       | Kinh    | VN        | Công nghệ kỹ thuật cơ khí | 2019           | Trung bình          | CĐ00001         | 0001/17C2-2019            |                                        |         |
| 2     | Lương Phước         | Đạo   | 02/02/1995          | Quảng Ngãi     | Nam       | Kinh    | VN        | Công nghệ kỹ thuật cơ khí | 2019           | Trung bình          | CĐ00002         | 0002/17C2-2019            |                                        |         |
| 3     | Nguyễn Toàn         | Em    | 20/10/1987          | Bến Tre        | Nam       | Kinh    | VN        | Công nghệ kỹ thuật cơ khí | 2019           | Trung bình          | CĐ00003         | 0003/17C2-2019            |                                        |         |
| 4     | Nguyễn Phạm Hoàng   | Quân  | 12/7/1996           | Tp.Hồ Chí Minh | Nam       | Kinh    | VN        | Công nghệ kỹ thuật cơ khí | 2019           | Trung bình          | CĐ00004         | 0004/17C2-2019            |                                        |         |
| 5     | Nguyễn Thê          | Sung  | 10/12/1993          | Tiền Giang     | Nam       | Kinh    | VN        | Công nghệ kỹ thuật cơ khí | 2019           | Trung bình          | CĐ00005         | 0005/17C2-2019            |                                        |         |
| 6     | Tạ Công             | Tài   | 18/12/1994          | Tiền Giang     | Nam       | Kinh    | VN        | Công nghệ kỹ thuật cơ khí | 2019           | Trung bình          | CĐ00006         | 0006/17C2-2019            |                                        |         |
| 7     | Nguyễn Phan         | Thắng | 04/01/1997          | Bình Thuận     | Nam       | Kinh    | VN        | Công nghệ kỹ thuật cơ khí | 2019           | Trung bình          | CĐ00007         | 0007/17C2-2019            |                                        |         |
| 8     | Lương Hữu           | Thoại | 14/11/1988          | Quảng Ngãi     | Nam       | Kinh    | VN        | Công nghệ kỹ thuật cơ khí | 2019           | Trung bình          | CĐ00008         | 0008/17C2-2019            |                                        |         |
| 9     | Trần Thanh          | Tín   | 18/6/1996           | Quảng Ngãi     | Nam       | Kinh    | VN        | Công nghệ kỹ thuật cơ khí | 2019           | Khá                 | CĐ00009         | 0009/17C2-2019            |                                        |         |
| 10    | Nguyễn Đức          | Trọng | 26/10/1998          | Long An        | Nam       | Kinh    | VN        | Công nghệ kỹ thuật cơ khí | 2019           | Trung bình          | CĐ00010         | 0010/17C2-2019            |                                        |         |
| 11    | Lưu Hoàng           | Trung | 19/01/1993          | Tiền Giang     | Nam       | Kinh    | VN        | Công nghệ kỹ thuật cơ khí | 2019           | Khá                 | CĐ00011         | 0011/17C2-2019            |                                        |         |

| Số TT | Họ và tên người học |       | Ngày tháng năm sinh | Quê quán       | Giới tính | Dân tộc | Quốc tịch | Ngành/nghề đào tạo        | Năm tốt nghiệp | Xếp loại Tốt nghiệp | Số hiệu bằng TN | Số vào sổ gốc cấp bằng TN | Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên | Ghi chú |
|-------|---------------------|-------|---------------------|----------------|-----------|---------|-----------|---------------------------|----------------|---------------------|-----------------|---------------------------|----------------------------------------|---------|
| 12    | Nguyễn Thành        | Trung | 23/10/1996          | Tp.Hồ Chí Minh | Nam       | Kinh    | VN        | Công nghệ kỹ thuật cơ khí | 2019           | Trung bình          | CĐ00012         | 0012/17C2-2019            |                                        |         |
| 13    | Đình Nguyên Anh     | Tuấn  | 27/9/1993           | Khánh Hòa      | Nam       | Kinh    | VN        | Công nghệ kỹ thuật cơ khí | 2019           | Khá                 | CĐ00013         | 0013/17C2-2019            |                                        |         |
| 14    | Nguyễn Minh         | Tùng  | 07/9/1998           | Tp.Hồ Chí Minh | Nam       | Kinh    | VN        | Công nghệ kỹ thuật cơ khí | 2019           | Khá                 | CĐ00014         | 0014/17C2-2019            |                                        |         |
| 15    | Trần Ngọc           | Viên  | 05/01/1993          | Tiền Giang     | Nam       | Kinh    | VN        | Công nghệ kỹ thuật cơ khí | 2019           | Trung bình          | CĐ00015         | 0015/17C2-2019            |                                        |         |
| 16    | Lê Quốc             | Vương | 06/9/1994           | Tiền Giang     | Nam       | Kinh    | VN        | Công nghệ kỹ thuật cơ khí | 2019           | Trung bình          | CĐ00016         | 0016/17C2-2019            |                                        |         |
| 17    | Nguyễn Văn          | Đông  | 31/01/1982          | Lạng Sơn       | Nam       | Kinh    | VN        | Công nghệ ô tô            | 2019           | Trung bình          | CĐ00017         | 0017/17C2-2019            |                                        |         |
| 18    | Phạm Minh           | Dương | 19/01/1992          | Quảng Bình     | Nam       | Kinh    | VN        | Công nghệ ô tô            | 2019           | Khá                 | CĐ00018         | 0018/17C2-2019            |                                        |         |
| 19    | Bùi Đức             | Hạnh  | 15/11/1993          | Ninh Thuận     | Nam       | Kinh    | VN        | Công nghệ ô tô            | 2019           | Trung bình          | CĐ00019         | 0019/17C2-2019            |                                        |         |
| 20    | Trần Văn            | Hướng | 23/10/1996          | Kiên Giang     | Nam       | Kinh    | VN        | Công nghệ ô tô            | 2019           | Khá                 | CĐ00020         | 0020/17C2-2019            |                                        |         |
| 21    | Trần Duy            | Khánh | 12/12/1994          | Trà Vinh       | Nam       | Kinh    | VN        | Công nghệ ô tô            | 2019           | Trung bình          | CĐ00021         | 0021/17C2-2019            |                                        |         |
| 22    | Nguyễn              | Là    | 15/5/1997           | Quảng Ngãi     | Nam       | Kinh    | VN        | Công nghệ ô tô            | 2019           | Trung bình          | CĐ00022         | 0022/17C2-2019            |                                        |         |
| 23    | Nguyễn Tấn          | Lê    | 11/11/1986          | Tiền Giang     | Nam       | Kinh    | VN        | Công nghệ ô tô            | 2019           | Khá                 | CĐ00023         | 0023/17C2-2019            |                                        |         |
| 24    | Hà Văn              | Nam   | 31/8/1996           | Hải Dương      | Nam       | Kinh    | VN        | Công nghệ ô tô            | 2019           | Trung bình          | CĐ00024         | 0024/17C2-2019            |                                        |         |
| 25    | Nguyễn Phương       | Nam   | 07/7/1997           | Quảng Nam      | Nam       | Kinh    | VN        | Công nghệ ô tô            | 2019           | Trung bình          | CĐ00025         | 0025/17C2-2019            |                                        |         |
| 26    | Trần Ngọc           | Nhút  | 18/4/1994           | Bến Tre        | Nam       | Kinh    | VN        | Công nghệ ô tô            | 2019           | Khá                 | CĐ00026         | 0026/17C2-2019            |                                        |         |

| Số TT | Họ và tên người học |       | Ngày tháng năm sinh | Quê quán            | Giới tính | Dân tộc | Quốc tịch | Ngành/nghề đào tạo               | Năm tốt nghiệp | Xếp loại Tốt nghiệp | Số hiệu bằng TN | Số vào sổ gốc cấp bằng TN | Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên | Ghi chú |
|-------|---------------------|-------|---------------------|---------------------|-----------|---------|-----------|----------------------------------|----------------|---------------------|-----------------|---------------------------|----------------------------------------|---------|
| 27    | Nguyễn Thanh        | Phong | 15/5/1994           | Tiền Giang          | Nam       | Kinh    | VN        | Công nghệ ô tô                   | 2019           | Khá                 | CĐ00027         | 0027/17C2-2019            |                                        |         |
| 28    | Đỗ Minh             | Phú   | 09/02/1995          | Long An             | Nam       | Kinh    | VN        | Công nghệ ô tô                   | 2019           | Trung bình          | CĐ00028         | 0028/17C2-2019            |                                        |         |
| 29    | Mạnh Xuân           | Quý   | 20/9/1993           | Hà Tĩnh             | Nam       | Kinh    | VN        | Công nghệ ô tô                   | 2019           | Trung bình          | CĐ00029         | 0029/17C2-2019            |                                        |         |
| 30    | Nguyễn Đình         | Thái  | 11/5/1998           | Long An             | Nam       | Kinh    | VN        | Công nghệ ô tô                   | 2019           | Trung bình          | CĐ00030         | 0030/17C2-2019            |                                        |         |
| 31    | Ngô Đăng Duy        | Thanh | 05/9/1996           | Bà Rịa - Vũng Tàu   | Nam       | Kinh    | VN        | Công nghệ ô tô                   | 2019           | Trung bình          | CĐ00031         | 0031/17C2-2019            |                                        |         |
| 32    | Hoàng Minh          | Tú    | 07/6/1987           | Hung Yên            | Nam       | Kinh    | VN        | Công nghệ ô tô                   | 2019           | Khá                 | CĐ00032         | 0032/17C2-2019            |                                        |         |
| 33    | Kiều Xuân           | Tú    | 14/4/1990           | Quảng Nam           | Nam       | Kinh    | VN        | Công nghệ ô tô                   | 2019           | Trung bình          | CĐ00033         | 0033/17C2-2019            |                                        |         |
| 34    | Huỳnh Nguyên        | Bá    | 06/5/1992           | Tp.Hồ Chí Minh      | Nam       | Kinh    | VN        | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 2019           | Khá                 | CĐ00034         | 0034/17C2-2019            |                                        |         |
| 35    | Khương Văn          | Bình  | 01/02/1984          | Thanh Hóa           | Nam       | Kinh    | VN        | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 2019           | Khá                 | CĐ00035         | 0035/17C2-2019            |                                        |         |
| 36    | Ngô Chí             | Công  | 10/02/1992          | Bến Tre             | Nam       | Kinh    | VN        | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 2019           | Khá                 | CĐ00036         | 0036/17C2-2019            |                                        |         |
| 37    | Phạm Tấn            | Đạt   | 10/8/1993           | Bạc Liêu            | Nam       | Kinh    | VN        | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 2019           | Khá                 | CĐ00037         | 0037/17C2-2019            |                                        |         |
| 38    | Phạm Hữu Thanh      | Hiền  | 28/8/1988           | Long An             | Nam       | Kinh    | VN        | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 2019           | Trung bình          | CĐ00038         | 0038/17C2-2019            |                                        |         |
| 39    | Phạm Trịnh Minh     | Khôi  | 21/9/1981           | Quảng Nam - Đà Nẵng | Nam       | Kinh    | VN        | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 2019           | Trung bình          | CĐ00039         | 0039/17C2-2019            |                                        |         |
| 40    | Đồng Kim            | Lập   | 08/01/1990          | Bến Tre             | Nam       | Kinh    | VN        | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 2019           | Khá                 | CĐ00040         | 0040/17C2-2019            |                                        |         |
| 41    | Đoàn Hữu            | Long  | 06/11/1988          | Thừa Thiên Huế      | Nam       | Kinh    | VN        | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 2019           | Trung bình          | CĐ00041         | 0041/17C2-2019            |                                        |         |

| Số TT | Họ và tên người học |        | Ngày tháng năm sinh | Quê quán       | Giới tính | Dân tộc | Quốc tịch | Ngành/nghề đào tạo               | Năm tốt nghiệp | Xếp loại Tốt nghiệp | Số hiệu bằng TN | Số vào sổ gốc cấp bằng TN | Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên | Ghi chú |
|-------|---------------------|--------|---------------------|----------------|-----------|---------|-----------|----------------------------------|----------------|---------------------|-----------------|---------------------------|----------------------------------------|---------|
| 42    | Lê Tiến             | Long   | 15/5/1992           | Khánh Hòa      | Nam       | Kinh    | VN        | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 2019           | Khá                 | CĐ00042         | 0042/17C2-2019            |                                        |         |
| 43    | Nguyễn Văn          | Mỹ     | 22/4/1982           | Tp.Hồ Chí Minh | Nam       | Kinh    | VN        | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 2019           | Khá                 | CĐ00043         | 0043/17C2-2019            |                                        |         |
| 44    | Lê Tuấn             | Nhu    | 15/05/1993          | An Giang       | Nam       | Kinh    | VN        | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 2019           | Khá                 | CĐ00044         | 0044/17C2-2019            |                                        |         |
| 45    | Vũ Văn              | Phong  | 03/9/1994           | Nam Định       | Nam       | Kinh    | VN        | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 2019           | Khá                 | CĐ00045         | 0045/17C2-2019            |                                        |         |
| 46    | Trần Thế            | Phương | 06/5/1995           | Phú Yên        | Nam       | Kinh    | VN        | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 2019           | Khá                 | CĐ00046         | 0046/17C2-2019            |                                        |         |
| 47    | Trương Ngọc         | Quang  | 27/10/1996          | Thừa Thiên Huế | Nam       | Kinh    | VN        | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 2019           | Trung bình          | CĐ00047         | 0047/17C2-2019            |                                        |         |
| 48    | Lê Thanh            | Soan   | 28/10/1992          | Thái Bình      | Nam       | Kinh    | VN        | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 2019           | Trung bình          | CĐ00048         | 0048/17C2-2019            |                                        |         |
| 49    | Nguyễn Lê           | Tân    | 22/7/1988           | Tp.Hồ Chí Minh | Nam       | Kinh    | VN        | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 2019           | Khá                 | CĐ00049         | 0049/17C2-2019            |                                        |         |
| 50    | Đỗ Văn              | Thạch  | 22/9/1994           | Bình Định      | Nam       | Kinh    | VN        | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 2019           | Khá                 | CĐ00050         | 0050/17C2-2019            |                                        |         |
| 51    | Bùi Công            | Thắng  | 21/9/1997           | Thái Bình      | Nam       | Kinh    | VN        | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 2019           | Khá                 | CĐ00051         | 0051/17C2-2019            |                                        |         |
| 52    | Phan Thanh          | Thuận  | 09/3/1995           | Quảng Nam      | Nam       | Kinh    | VN        | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 2019           | Trung bình          | CĐ00052         | 0052/17C2-2019            |                                        |         |
| 53    | Đình Công           | Thức   | 06/4/1991           | Ninh Thuận     | Nam       | Kinh    | VN        | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 2019           | Khá                 | CĐ00053         | 0053/17C2-2019            |                                        |         |
| 54    | Ngô Hoài            | Trung  | 29/11/1989          | Tp.Hồ Chí Minh | Nam       | Kinh    | VN        | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 2019           | Khá                 | CĐ00054         | 0054/17C2-2019            |                                        |         |
| 55    | Phạm Minh           | Tuấn   | 24/5/1993           | Khánh Hòa      | Nam       | Kinh    | VN        | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 2019           | Khá                 | CĐ00055         | 0055/17C2-2019            |                                        |         |
| 56    | Nguyễn Hoàng        | Vũ     | 15/3/1996           | Bình Định      | Nam       | Kinh    | VN        | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 2019           | Khá                 | CĐ00056         | 0056/17C2-2019            |                                        |         |

| Số TT | Họ và tên người học     | Ngày tháng năm sinh | Quê quán       | Giới tính | Dân tộc | Quốc tịch | Ngành/ngề đào tạo                | Năm tốt nghiệp | Xếp loại Tốt nghiệp | Số hiệu bằng TN | Số vào sổ gốc cấp bằng TN | Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên | Ghi chú |
|-------|-------------------------|---------------------|----------------|-----------|---------|-----------|----------------------------------|----------------|---------------------|-----------------|---------------------------|----------------------------------------|---------|
| 57    | Phan Thanh Vũ           | 02/09/1987          | Bến Tre        | Nam       | Kinh    | VN        | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 2019           | Khá                 | CĐ00057         | 0057/17C2-2019            |                                        |         |
| 58    | Trần Quốc Vũ            | 22/11/1994          | Bình Định      | Nam       | Kinh    | VN        | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 2019           | Khá                 | CĐ00058         | 0058/17C2-2019            |                                        |         |
| 59    | Trần Trương Thị Thu Đức | 12/02/1995          | Bình Thuận     | Nữ        | Kinh    | VN        | Quản trị mạng máy tính           | 2019           | Trung bình          | CĐ00059         | 0059/17C2-2019            |                                        |         |
| 60    | Trần Thiện Dũng         | 29/7/1995           | Tp.Hồ Chí Minh | Nam       | Kinh    | VN        | Quản trị mạng máy tính           | 2019           | Khá                 | CĐ00060         | 0060/17C2-2019            |                                        |         |
| 61    | Trần Thanh Long         | 28/9/1997           | Tp.Hồ Chí Minh | Nam       | Kinh    | VN        | Quản trị mạng máy tính           | 2019           | Khá                 | CĐ00061         | 0061/17C2-2019            |                                        |         |
| 62    | Trần Vũ Minh Quân       | 24/02/1998          | Nam Định       | Nam       | Kinh    | VN        | Quản trị mạng máy tính           | 2019           | Trung bình          | CĐ00062         | 0062/17C2-2019            |                                        |         |
| 63    | Huỳnh Phạm Hữu Thành    | 22/4/1985           | Đồng Nai       | Nam       | Kinh    | VN        | Quản trị mạng máy tính           | 2019           | Trung bình          | CĐ00063         | 0063/17C2-2019            |                                        |         |
| 64    | Nguyễn Thanh Thuận      | 11/9/1994           | Quảng Ngãi     | Nam       | Kinh    | VN        | Quản trị mạng máy tính           | 2019           | Khá                 | CĐ00064         | 0064/17C2-2019            |                                        |         |
| 65    | Trương Chí Toàn         | 1995                | Bạc Liêu       | Nam       | Kinh    | VN        | Quản trị mạng máy tính           | 2019           | Khá                 | CĐ00065         | 0065/17C2-2019            |                                        |         |

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày      tháng      năm 2019  
**HIỆU TRƯỞNG**